

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **115/2022/DS-ST**
Ngày 13/12/2022
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đức;

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi PBD1 Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà NĐ**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: tổ , ấp V, xã VN, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của NĐ: Ông U, sinh năm 1949; Địa chỉ: tổ , ấp V, xã VN, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (theo giấy uỷ quyền ngày 25/8/2022). (có mặt).

*** Bị đơn:**

- Bà BĐ1, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp T, xã VP, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà BĐ1: Anh BĐ2, sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp T, xã VP, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, theo giấy uỷ quyền ngày

11/12/2022. (xin vắng mặt)

- Anh **BD2**, sinh năm 1997;

HKTT: ấp T, xã VP, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: số , đường B, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2022, ngày 06/10/2022 (bổ sung), lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà NĐ ủy quyền cho ông U trình bày như sau:*

Do có quan hệ bà con, bà BD1 là cháu vợ của NĐ nên NĐ có cho bà BD1 và con bà BD1 là anh BD2 vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 31/5/2021, bà BD1 và anh BD2 vay số tiền 50.000.000đồng, có viết biên nhận, có chữ ký của bà BD1 và anh BD2.

- Ngày 25/4/2021 (ÂL), bà BD1 và anh BD2 vay số tiền 10.000.000đồng và ngày 10/5/2021 (ÂL), bà BD1 và anh BD2 vay thêm 40.000.000đồng nhưng không viết biên nhận.

Tổng cộng số tiền bà BD1 và anh BD2 vay là 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng).

Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng nhưng không ghi trong biên nhận. Sau khi vay, bà BD1 và anh BD2 có trả cho NĐ được 4.000.000đồng tiền lãi thì ngưng tới nay và số tiền vốn chưa trả.

Tại đơn khởi kiện, NĐ yêu cầu bị đơn bà BD1 và anh BD2 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ là 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng) và tính lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày 31/5/2021 đến khi đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của NĐ là ông Uông trình bày: khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất cụ thể và đồng ý khấu trừ số tiền lãi 4.000.000đồng đã nhận.

* Bị đơn bà BD1 trình bày tại tờ tự khai ngày 11/12/2022 như sau: Bà thừa nhận chỉ vay và nhận 50.000.000đồng từ NĐ, còn số tiền nguyên đơn tự ghi thêm vào sau biên nhận ngày 31/5/2021 thì bà không đồng ý. Bà đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000đồng vay ngày 31/5/2021 và lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm tính từ ngày 31/5/2021 vì khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất. Anh BD2 là người viết biên nhận ngày 31/5/2021 và có ký tên chứng kiến việc vay tiền chứ không phải là người cùng vay tiền, anh BD2 cũng không nhận số tiền vay nêu trên nên nguyên đơn yêu cầu buộc liên đới

trách nhiệm trả nợ giữa bà với anh BĐ2 thì bà không đồng ý. Vì lý do bận công việc không thể đến tham gia phiên tòa nên bà xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn anh BĐ2 trình bày tại biên bản hòa giải ngày 25/11/2022 và tại tờ tự khai ngày 11/12/2022 như sau: Ngày 31/5/2021, anh có viết biên nhận dùm mẹ anh là bà BĐ1 vay của bà NĐ số tiền 50.000.000đồng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất. Anh có ký tên trong biên nhận là người chứng kiến thôi chứ anh không có vay tiền của NĐ. Còn đối với số tiền vay 50.000.000đồng vay sau này, anh không biết bà BĐ1 có vay không. Nay NĐ yêu cầu anh cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 100.000.000đồng và lãi suất theo quy định, anh không đồng ý. Vì lý do bận công việc không thể đến tham gia phiên tòa nên anh xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn anh BĐ2 đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà BĐ1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên đã từ bỏ quyền của mình.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, Điều 468 BLDS 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà NĐ. Buộc bà BĐ1 trả cho bà NĐ số tiền 50.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 31/5/2021 đến ngày xét xử (có khấu trừ 4.000.000đồng đã nhận trước đó).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: NĐ yêu cầu bà BĐ1 và anh BĐ2 trả số tiền nợ vay 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng). Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà BĐ1 và anh BĐ2 đang cư trú tại ấp Trung Phú 4, xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà BĐ1 và anh BĐ2 (là bị đơn trong vụ án) xin vắng mặt tại phiên tòa thể hiện tại tờ tự khai ngày 11/12/2022 nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà BĐ1 và anh BĐ2.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của NĐ, HĐXX xét thấy:

Căn cứ vào biên nhận ngày 31/5/2021 do NĐ cung cấp thể hiện số tiền bà BĐ1 vay của NĐ là 50.000.000đồng. Phía dưới biên nhận nợ có chữ ký của bà BĐ1 và bà BĐ1 cũng thừa nhận có vay số tiền 50.000.000đồng theo biên nhận này. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bà BĐ1 có vay của NĐ số tiền 50.000.000đồng theo biên nhận ngày 31/5/2021.

Về trách nhiệm liên đới trả nợ của anh BĐ2: Anh BĐ2 không thừa nhận có vay của NĐ số tiền 50.000.000đồng theo biên nhận ngày 31/5/2021. Tuy anh BĐ2 ký tên vào biên nhận ngày 31/5/2021 nhưng trong nội dung biên nhận chỉ thể hiện bà BĐ1 là người nhận tiền, không thể hiện cụ thể anh BĐ2 là người nhận tiền hay người chứng kiến. Do đó, NĐ yêu cầu anh BĐ2 cùng có nghĩa vụ liên đới cùng bà BĐ1 trả số tiền nợ vay là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Riêng đối với số tiền vay 50.000.000đồng vay ngày 25/4/2021 (ÂL), ngày 10.5.2021 (ÂL) được ghi phía dưới biên nhận ngày 31/5/2021 do NĐ tự ghi thêm, không có chữ ký của bà BĐ1, anh BĐ2 và cũng như không được bà BĐ1, anh BĐ2 thừa nhận có vay số tiền này. Ngoài lời trình bày về số tiền vay này ra, NĐ không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà BĐ1 và anh BĐ2 có vay số tiền 50.000.000đồng này nên HĐXX không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Sau khi nhận số tiền vay 50.000.000đồng theo biên nhận ngày 31/5/2021 đến nay, bà BĐ1 không có trả nợ cho NĐ. Bà BĐ1 không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của NĐ về việc yêu cầu bà BĐ1 trả số tiền 50.000.000đồng là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi: khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất vay. Nay NĐ có yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật do đó có căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 áp dụng mức lãi suất là 10%/năm, thời hạn tính lãi suất từ khi viết biên nhận nợ ngày 31/5/2021 đến ngày xét xử 13/12/2022 là 1 năm 6 tháng 12 ngày, cụ thể số tiền lãi được tính như sau:

$50.000.000\text{đồng} \times 10\%/năm \times 1\text{ năm } 6\text{ tháng } 12\text{ ngày} = 7.664.000\text{đồng}$
(đã làm tròn).

Khấu trừ số tiền lãi 4.000.000đồng mà NĐ đã nhận nên số tiền lãi bà BĐ1 còn phải trả cho NĐ là 3.664.000đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi bà BĐ1 phải trả là: 50.000.000đồng + 3.664.000đồng= 53.664.000đồng (năm mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bà BĐ1 phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà NĐ:

Buộc bà BĐ1 có trách nhiệm trả cho bà NĐ số tiền tổng cộng là 53.664.000 đồng (năm mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng). Trong đó, số tiền vốn vay là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 3.664.000đ (ba triệu, sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của NĐ đối với yêu cầu bà BĐ1 và anh BĐ2 cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền 50.000.000đồng và yêu cầu buộc anh BĐ2 cùng có nghĩa vụ liên đới với bà BĐ1 trả số tiền 50.000.000đồng vay ngày 31/5/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà NĐ phải chịu 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, NĐ là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm tiền án phí nên NĐ không phải nộp số tiền án phí trên.

- Bà BĐ1 phải chịu 2.683.000đồng (hai triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

NĐ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà BĐ1 và anh BĐ2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân